

## ĐI VÀ ĐI ĐỂ THÀNH MỘT DẤU ẤN SỬ HỌC VIỆT NAM SÂU ĐẬM



**S**inh thời, Giáo sư Trần Quốc Vượng tự bạch: "Tôi được sinh ra vào hồi 9 giờ kém 10 phút tối, ngày 12/12/1934, tức là vào giờ con Chó (Tuất) ngày 6, tháng một (11), năm Giáp Tuất (cũng là năm con Chó), trong một "nhà thương" (gọi "văn về" như hiện nay là "bệnh viện") ở lưng chừng dải núi phủ lỵ Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Như vậy, theo khoa Tử vi học Đông phương cổ truyền, số phận của tôi là "ngọn lửa đầu non" (Sơn đầu hoả) và thân phận của tôi là "dịch chuyển" (Thân cư thiên di). Gần như cho đến hôm nay, ở vào tuổi 66 - 67 của cuộc đời, diễn biến của đời tôi là vậy!". Gia đình ông Vượng là gia đình công chức. Thân phụ tốt nghiệp Cao đẳng Canh nông, tính nghiêm khắc. Thân mẫu ở

nhà nội trợ, tính hiền thực, nhẫn nhịn. Ông là con út, trên còn hơn 10 anh, chị. Thể chất lại yếu nhược nên được mẹ chiều chuộng, ôm ấp. Năm 12, 13 tuổi còn ngủ cùng giường với mẹ và... thi thoảng "sờ ti". Cha là công chức, vì thế tuy quê quán ở Lê Xá, Duy Tiên, Hà Nam nhưng cha chuyển đến đâu, bầu đoàn thể tử lại theo đến đấy. Năm 1950, quê hương bị tạm chiếm, tràn khói lửa, Trần Quốc Vương vào Thanh Hóa - Vùng tự do và học Trường Cấp 3 Lam Sơn. Bấy giờ trường đã chuyển về vùng Cốc được 2 năm. Lớp học nằm rải rác ở các đình làng Cốc Hạ, Cốc Thượng, Thành Tín, Thủy Tú,... Chàng thư sinh họ Trần vừa tuổi hoa niên, từ một làng "bên bờ sông nhỏ, dưới chân một trái núi nho nhỏ miệt đồng chiêm trũng xứ Nam" đến đây, tuy quê người đất khách, đồng ruộng bán sơn địa, nhưng vẫn thấy thân quen vì vẫn làng quê, mái tranh cùng một con sông nhỏ và xa xa là núi. Nhất là lòng dân, tình bạn, nghĩa thầy. Thầy Đoàn Nông - hiệu trưởng. Thầy Nguyễn Trác khi ấy dạy địa lý đầy chất văn, thầy Doãn Châu Long dạy lý, thầy Trịnh Ngọc Thái dạy hoá, thầy Lê Hải Châu dạy toán, thầy Võ Quý dạy vạn vật. Thầy Trần Thanh Mai có tiếng từ trước cách mạng với cuốn biên soạn về cuộc đời, thơ văn Trần Tế Xương mà cái tên thật trừ tình *Trông dòng sông Vị*, rồi *Hàn Mặc Tử*. Hấp dẫn là cuốn lịch sử ký sự *Tuy Lý Vương*. Ông Vũ Ngọc Phan, bố anh bạn học cùng trường Vũ Tuyên Hoàng, bảo là một

thiên ký sự thời loạn hay gọi là cung đình phẩm sử đều được cả. Thầy bình truyện ngắn *Băng tan* thật gợi cảm. Các bạn Thanh Hóa cũng rất chân tình, cởi mở. Những Đỗ Ánh, Đào Trọng Đạt, Hà Minh Đức, Phùng Việt Ngự, Nguyễn Bạch Diệp, Nghiêm Hoàn, Nguyễn Bao,... Thú vị nữa là được nghe về Bà Triệu khởi nghĩa, đóng bản doanh ở núi Nưa trước mặt, có người tiều phu kỳ nhân, Nguyễn Dữ chép trong *Truyền Kỳ mạn lục*. Rồi Lê Hoàn, Lê Lợi, đều người ở vùng này. Niên khóa 1952 - 1953, rời mái trường Cấp 3 Lam Sơn, Trần Quốc Vượng vào dự bị đại học cũng mở trên đất Thanh. Ông thụ giáo học giả lừng danh Đào Duy Anh. Thầy Đào gốc Thanh Oai, Hà Đông (sau là Hà Tây, nay thuộc Hà Nội). Gia tộc rời vào Thanh Hóa, ở đất Cầu Quan (Nông Cống) từ lâu đời nên nói giọng Thanh "đặc sệt", mặc dù thầy sống ở Huế lâu năm hơn ở Thanh nhiều, làm anh sinh viên "tập học" vô cùng ngạc nhiên. Sau này khi nghiên cứu sâu, ông mới lý giải được đó là hiện tượng địa - văn hóa. Cái điều mà Hạ Tri Chương (659 - 744), nhà thơ, ông Tế tướng thời Đường (618 - 907) nói trong bài thơ *Ngẫu nhiên viết trong buổi về làng* (Hồi hương ngẫu thư): "*Khi đi trẻ, lúc về già/Giọng quê vẫn thế, tóc đã khác bao*".

Hoà bình lập lại (1954), miền Bắc được giải phóng, Trần Quốc Vượng về Hà Nội, học Đại học Văn khoa (còn chung với cả Sư phạm) - Khoa Sử - Địa. May mắn là lại gặp, theo học những người thầy

nổi tiếng uyên bác: Đào Duy Anh, Cao Xuân Huy, Đặng Thai Mai, Trần Văn Giàu, Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường... Năm 1956, sau khi tốt nghiệp - một trong "tam khôi" đầu tiên ngành Sử (cùng Đinh Xuân Lâm, Phan Huy Lê), ông và Phan Huy Lê làm trợ lý cho Giáo sư Đào Duy Anh, tập sự giảng dạy tại Bộ môn *Cổ sử Việt Nam*. Nói là tập sự, nhưng "Cụ Đào" những năm ấy (1956 - 1958) đã ngoài 50 - Giáo sư sinh năm 1904, mất năm 1988, rất hay bị viêm họng nặng, luôn phải nằm viện nên thường gửi đề cương bài giảng ra để ông Vương, ông Lê lên lớp cho sinh viên 2 khoa Sử Đại học Tổng hợp và Sư Phạm. Cái hay nữa là, để giúp các môn đệ tập sự thật sự, các bậc thầy thường giao "công trình" cho họ. Nghĩa là, vừa giúp trò nâng thêm kiến thức, vừa kiểm tra học vấn và phương pháp, năng lực làm khoa học của trò. Ông Vương được giao dịch *Việt sử lược*. Đây được coi là bộ thông sử biên niên xưa nhất của nước ta còn truyền đến nay. Sách không rõ tác giả, chỉ có ở Trung Quốc, lưu trong *Tứ khố toàn thư*. Dịch đã không dễ, chú thích cho rõ còn khó hơn bội phần. Ông Hà Văn Tấn (Thủ khoa sau 1 năm - 1957) được giao hiệu đính, chú thích, viết lời giới thiệu *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi do cụ cử nhân Hán học Phan Duy Tiếp dịch, chính văn chỉ 38 trang, chú thích lên đến 115 trang. Nhưng ông Vương hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ này. Năm 1960, NXB *Văn-Sử-Địa* đã

xuất bản (cùng cuốn *Dư địa chí*). Về cổ sử, giảng viên trẻ Trần Quốc Vượng, định hướng vào tìm hiểu các trung tâm chính trị cổ của Việt Nam bằng con mắt địa - văn hóa - chính trị. Ông đã bắt đầu khắc những dấu ấn đầu tiên của mình với giáo trình *Cổ sử Việt Nam*. Nhưng ngay đó, do phân công, ông cùng Giáo sư Hà Văn Tấn "lĩnh ấn tiên phong" xây dựng ngành Khảo cổ học của nước Việt Nam mới. Bởi lẽ sau khi Pháp rút đi, ngành Khảo cổ nước ta không còn một nhà khảo cổ học nào đúng nghĩa. Từ đấy, theo cách nói Nguyễn Tuân, Giáo sư Trần Quốc Vượng đã trước bạ cuộc đời mình vào địa dư miền Bắc, sau này là toàn quốc, rồi Á - Âu - Mỹ - Úc - Phi, chỉ trừ châu Nam Cực là chưa đặt chân đến. Ông bảo, có người đồng nghiệp trẻ đã phác tính, rất *hợp* với *lá số tử vi* mà ông nghiệm ra *trúng* từ năm một tuổi (01 tuổi đã theo mẹ có mặt ở Sài Gòn rồi Nam Vang - Phnôm Pênh). *Dấu ấn thứ nhất* mang tên Trần Quốc Vượng bắt đầu được khắc *sâu đậm* trong *Khảo cổ học* bằng những cuộc điền dã, khai quật liên miên. *Điều văn* của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội do Phó Giáo sư, tiến sĩ Phạm Xuân Hằng - Hiệu trưởng Nhà trường đọc tại Lễ truy điệu Giáo sư Trần Quốc Vượng ngày 12/8/2005 khẳng định: "*Bên cạnh việc giảng dạy và nghiên cứu Cổ sử Việt Nam, Thầy đã sớm chú tâm xây dựng ngành Khảo cổ học và chính Thầy đã trở thành một trong những người*

đầu tiên nghiên cứu và giảng dạy về Khảo cổ học theo quan điểm Mác xít ở Việt Nam. Từ năm 1959 đến nay, hầu như không có một di chỉ, một phát hiện khảo cổ học quan trọng nào trên đất nước ta lại không gắn liền với công lao phát hiện hoặc tham gia của Thầy. Là một trong những nhà khảo cổ học đầu ngành, cùng với các đồng nghiệp, Giáo sư Trần Quốc Vương đã góp phần định danh, làm rõ những đóng góp và giá trị tiêu biểu của các nền văn hoá, các thời đại văn hoá Việt Nam trong mối liên hệ và tương quan với môi trường văn hoá của khu vực và thế giới. Và bằng tài năng, sáng tạo, ông đã để lại Con đường Trần Quốc Vương cho các thế hệ hậu bối khảo cổ đi. Ông hy vọng họ sẽ đến thành công. Đó là khảo sát, điền dã - nhận thức - nhận định lại - tái nhận thức - nghiên cứu - nêu lý thuyết, cứ thế quay vòng tiếp nối, không bao giờ có điểm đóng. Kết quả này cũng là mở đầu tìm kiếm kết quả mới. Đáng nói nữa là, tấm gương hoạt động khoa học Trần Quốc Vương đã nêu lên "Phẩm chất Khảo cổ gia": tài năng + say mê + sức chịu đựng (gian khổ, nghi ngại, phê phán,..) + trực giác. "Tu luyện" sao cho được trực giác nhạy bén. Học trò, đồng nghiệp kể rằng, họ đã nhiều lần kinh ngạc trực giác dẫn đến những phán đoán "như thần" của ông. Bảo, ông có khả năng ngoại cảm nhìn xuyên qua lòng đất. Thực ra, đó là tiên nghiệm khoa học mà Giáo sư Trần Quốc Vương suy đoán từ lý thuyết do chính

ông xây dựng. Chẳng hạn, "đến một vùng đất nào đó ở miền Trung, nếu chỉ thấy có kinh thành hay cảng thị, Trần Quốc Vượng nói, nhất định là có thánh địa ở vùng núi và người ta (hoặc chính ông) đã tìm thấy sau đó không lâu" là xuất phát từ mô hình của ông về "sự tương ứng giữa tính chất của địa hình và chức năng các di tích văn hóa".

Bàn giao *Cơ sở khảo cổ học* cho những người kế tục, Giáo sư Trần Quốc Vượng nhận ngay trách nhiệm xây dựng bộ môn *Văn hóa học*. Một người đồng nghiệp trẻ của giáo sư phác tính, trong một năm, ông ở Hà Nội khoảng 100 ngày, còn hơn 250 ngày đi "vừa chơi - vừa học - vừa làm". Đi kiểu văn hóa học như thế, từ *Núi xuống biển* qua miền *châu thổ* ra *nước ngoài* - *làng quê* đến *thành thị*, ông Vượng gặp *Đất* và *Người*, ghi nhận đặc trưng văn hóa của *Đất ấy - Người ấy*. Ông bắt mạch được mỗi *đất* là một *cơ địa văn hóa*. Còn "con người là di sản sống, lưu trữ toàn bộ di chỉ văn hóa mấy ngàn năm". Chính vì vậy giáo sư tìm ra khái niệm khoa học công cụ *địa - văn hóa* và nêu thành một lĩnh vực nghiên cứu. Thế là từ thập kỷ 90 thế kỷ trước, một chuyên ngành mới trong *Văn hóa học* xuất hiện ở Việt Nam. Đây là *dấu ấn Trần Quốc Vượng sâu đậm nhất*. Đỗ Lai Thúy viết: "*Trần Quốc Vượng là người có nhiều tiếng nói ông thuộc típ bác học quảng văn. Tiếng nói của ông cất lên trong khảo cổ học, cổ sử học, dân tộc học, tâm lý học, kể cả tâm*

*lý học các chiều sâu, nghệ thuật học, văn hóa học... Nhưng không ở đâu, tiếng nói - Trần Quốc Vương chiếm vị trí chủ đạo, nếu không nói là duy nhất, thể hiện được toàn bộ con người ông như ở lĩnh vực địa văn hóa". Địa - văn hoá trong lý thuyết Trần Quốc Vương có nét khu biệt đã đành, nhưng là một sự tương thích, tương hỗ, tương dung. Bản sắc văn hóa địa phương - vùng miền - đất nước - khu vực - thế giới - cổ truyền - hiện đại - tương lai đều có khác nhau, giống nhau, quan hệ, liên hệ với nhau. Và lần lượt các sản phẩm từ lý thuyết này ra đời: *Việt Nam, cái nhìn địa văn hoá* (1998), *Văn hoá Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm* (2000), *Tìm hiểu bản sắc văn hoá xứ Huế* (2001) *Tìm hiểu bản sắc văn hoá xứ Quảng* (2002), *Tìm hiểu bản sắc văn hoá dân gian Nam Bộ* (2004), *Con người - Môi trường - Văn hoá* (2005),...*

Nhà văn Hồ Tĩnh Tâm kể: "Tôi nhớ lần tham gia hội thảo về các đặc trưng văn hóa đồng bằng sông Cửu Long tại Trường Đại học Cần Thơ, ông (Giáo sư Trần Quốc Vương-NBS) rành rẽ tới mức uyên thâm về văn hóa Chăm, văn hóa Hoa, văn hóa Óc Eo, văn hóa Khơmer Nam Bộ; người nghe tưởng như ông luôn đủ sức để có thể nói ngày này qua ngày khác mà vẫn không hết được những gì ông biết".

Như vậy là, bằng lao động khoa học sáng tạo, Giáo sư Trần Quốc Vương đã làm rạn rở đặc tính lịch sử - văn hoá của nhiều miền đất nước, làm cho người dân nơi ấy hiểu quê hương mình hơn.



Nhưng Hà Nội mới là đối tượng Giáo sư Trần am hiểu nhất, viết nhiều nhất. Ngay sách về quê hương Hà Nam của mình, những ngày sắp đi vào cõi vĩnh hằng (8/8/2005), ông mới cố hoàn thành. Có người hỏi "Tại sao?", Giáo sư trả lời rất hóm: "Bởi mấy chục năm quen uống nước máy Hà Nội nên phải trả nợ... nguồn!". Với Hà Nội, Trần Quốc Vượng viết hàng trăm bài báo, hàng chục cuốn sách từ tổng quát đến cụ thể. Có thể kể một số công trình tiêu biểu: *Địa lý miền đất cổ Hà Nội, Hà Nội ngàn xưa vẫn biến, Địa lý lịch sử miền Hà Nội (trước thế kỷ XI), Hà Nội - vị trí địa lý và chiều sâu lịch sử, Hà Nội truyền thống và hiện đại, tinh hoa ngàn xưa với công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa hôm nay, Hà Nội - Việt Nam 100 năm giao thoa văn hóa Đông - Tây, Nam - Bắc (Lý luận và thực tiễn), Trên mảnh đất ngàn năm văn vật, Trên mảnh đất Cổ Loa lịch sử, Giải ảo hiện thực về xứ Đông Đa và gò Đống Đa,...* Vì ngoài tình yêu ra, ông còn lấy Hà Nội làm "hệ quy chiếu" khi nghiên cứu Việt Nam và các vùng văn hóa khác của đất nước. Giáo sư - Nhà giáo Nhân dân Đinh Xuân Lâm khẳng định: "Hơn 40 năm qua, Giáo sư Trần Quốc Vượng vẫn miệt mài nghiên cứu về Hà Nội và có những công trình khoa học đặc sắc về Hà Nội, ông cũng là người có công đầu trong việc xây dựng ngành Hà Nội học. Nếu có một danh hiệu "Nhà Hà Nội học" thì người đầu tiên và xứng đáng nhất để nhận danh hiệu là Giáo sư Trần Quốc

Vượng". Nhà Hà Nội học Nguyễn Vinh Phúc cũng thừa nhận "Trần Quốc Vượng là người có công đầu trong việc xây dựng ngành Hà Nội học".

Đi vào Địa - Văn Hóa, với "Ngàn cuốn sách đọc rồi, chuta biết chán, muôn nẻo đường đã trải, vẫn thêm đi", Giáo sư Trần Quốc Vượng trở thành người "thấu hiểu Đất nước Việt Nam, Con người Việt Nam, Đất và Người Hà Nội nhất". Dấu ấn Trần Quốc Vượng đóng ở đây vô cùng sâu đậm. Có thể nói không một ai, một nhà khoa học quốc tế nào quan tâm, nghiên cứu lịch sử, văn hoá nước ta hay từng vùng đất nước lại không biết đến tên tuổi và từng tham vấn ý kiến, tham khảo những công trình của ông. Trong bức điện chia buồn gửi đến Khoa Lịch sử trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội và gia đình khi biết tin Giáo sư Trần Quốc Vượng từ trần, Giáo sư Furuta Mô-tô, Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Tô-kyô, Phó Chủ tịch Hội hữu nghị Nhật - Việt viết: "*Giáo sư Trần Quốc Vượng mất đi là một tổn thất lớn đối với ngành Việt Nam học thế giới. Chúng tôi - những nhà Việt Nam học Nhật Bản đã từng có cơ hội tiếp xúc với Giáo sư Vượng và được Giáo sư Vượng dạy dỗ - vô cùng đau thương khi biết tin này và tưởng nhớ tới Giáo sư Trần Quốc Vượng!*".

Dấu ấn Trần Quốc Vượng để lại trong Sử học Việt Nam còn có phương pháp nghiên cứu sâu sắc, hiệu quả, được tán thưởng và thực thi rộng rãi. Đó là

lối *tiếp cận liên ngành, đa ngành, xuyên ngành* kết hợp Sử - Khảo cổ - Nhân học - Dân gian học - Môi trường sinh thái học... Còn có lớp lớp học trò hàng ngàn người, dưới sự dẫn dắt của ông, đã trở thành những người nghiên cứu và giảng dạy Sử học, Văn hoá học, Du lịch học,... có uy tín. Và nhất là còn có Nhân cách - Phong cách Trần Quốc Vương rất được yêu mến, ngưỡng mộ mà người ta cho là *Kỳ nhân*.

Bốn mươi năm giảng dạy - nghiên cứu khoa học, Giáo sư Trần Quốc Vương, một trong *Tứ trụ Sử học* đương đại Việt Nam (cùng Đinh Xuân Lâm, Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn) - đã viết hơn 40 cuốn sách (riêng và chung), hơn 300 bài báo và hơn 300 bài tạp chí công bố trong nước, ở các nước Nhật, Mỹ, Anh, Hàn,... để lại dấu ấn sâu đậm trong Khoa học Lịch sử và Văn hoá học Việt Nam; là một khoa học gia tên tuổi của thế giới (Trung tâm tiểu sử quốc tế Cambridge - Vương quốc Anh bầu chọn ông là 1 trong 2000 tác giả xuất chúng của thế kỷ XX trong các lĩnh vực Sử học, Khảo cổ học, Dân gian học, Văn hóa học).

Giáo sư Trần Quốc Vương biệt thế nhân lúc 2giờ 55 phút ngày 8/8/2005 tức ngày mồng 4 tháng 7 năm Ất Dậu. Sinh thời Giáo sư Vương bảo, *số phận của tôi là ngọn lửa đầu non*. Nhưng do tài năng xuất chúng, nhân cách "bình dân cao cả" cùng cả đời lao động sáng tạo quần quật của mình, với ông "đức năng" đã "thắng số". Ngọn lửa Trần Quốc Vương ở đầu non mà không cô đơn.

# NGƯỜI CUỐC BỘ 150 CÂY SỐ ĐI THI ĐẠI HỌC



**T**rong lịch sử trường Đào Duy Từ - Lam Sơn, Thanh Hóa thì thời kỳ "Làng Cốc" (1948 - 1954) để nhiều dấu ấn, lưu nhiều kỷ niệm mặn mà nhất. Cả 3 điểm sơ tán tập trung về một chỗ. Nay thuộc Triệu Sơn, giáp ranh Thọ Xuân: Cốc Thuận, Cốc Hạ, Thủy Tú, Thành Tín, Quả Hạ. Cách không xa là một số cơ quan của Khu IV, tỉnh, quân đội, bệnh viện. Cũng là điểm cư ngụ của nhiều nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ nổi tiếng cùng gia đình họ. Trong khoảng 1950 - 1952 hầu như trường học về đêm để tránh máy bay địch, nhưng dạy - học vẫn

rất nề nếp, quy củ. Hầu như không có sách giáo khoa, chủ yếu nghe, ghi bài giảng trên lớp của thầy mà chất lượng học tập vẫn đạt kết quả cao. Ngoài ra, còn nhiều hoạt động sôi nổi, thú vị khác. Đội bóng đá trang bị như chuyên nghiệp, nổi tiếng cả vùng. Giao hữu với đội bóng của bộ đội, thanh niên huyện, phần lớn toàn thắng. Đội văn nghệ biểu diễn nhiều đêm, ca nhạc, diễn kịch - tại trường, ở Neo, Đà cách mười cây số, rất được khen ngợi. Rồi nhiều thi bơi (trên sông Nông Giang), phối hợp với công binh xướng tổ chức hội thao: điền kinh, ném lựu đạn thật, bắn súng đạn thật. Và những buổi nói chuyện của thiếu tướng Nguyễn Sơn về tình hình chiến sự, về Truyện Kiều, nói chuyện triết học Mác - Lê, văn học mà diễn giả là các nhà trí thức nổi tiếng như Hải Triều, Nguyễn Mạnh Tường,... thu hút đông đảo học sinh tham dự. Các lãnh đạo Bộ Giáo dục, Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền, Thứ trưởng Nguyễn Khánh Toàn đi công tác qua cũng ghé thăm trường.

Trong số 35 học trò khoá 1949 - 1952 Trường Cốc hổi đó, sau này một số trở thành các nhà khoa học đầu ngành của nước ta. Giáo sư Tiến sĩ Đỗ Ánh ngành thổ nhưỡng, Giáo sư Tiến sĩ Đào Trọng Đạt ngành chăn nuôi, Giáo sư Trần Quốc Vượng ngành khảo cổ, Giáo sư Tiến sĩ Phùng Viết Ngự ngành luyện kim. Số khác cũng là những tên tuổi: Giáo sư Toán học Đoàn Quỳnh, Phó Giáo sư, Tiến sĩ tâm lý Đặng Xuân Hoài, kỹ sư điện lực Lê Nhân Vĩnh,

Nghệ sĩ nhân dân - Đạo diễn điện ảnh Bạch Diệp, Đại sứ Đặng Nghiêm Hoàn, nhà thơ Nguyễn Bao,...

Nhà giáo nhân dân, giáo sư Hà Minh Đức, chuyên gia đầu ngành Nghiên cứu - Lý luận - Phê bình Văn học Việt Nam hiện đại là học sinh lớp này.

Sau khi tốt nghiệp cấp 3 hệ 9 năm, đầu tháng 8 năm 1955, Hà Minh Đức - 20 tuổi (ông sinh ngày 3/5/1935), cuộc bộ 2 ngày từ quê nhà (xã Vĩnh An, Vĩnh Lộc) thì ra đến Thủ đô Hà Nội, vừa được tiếp quản mấy tháng trước để ghi tên dự thi Đại học Văn khoa - Sư phạm. Ông tìm ngay đến trường Đại học và lập tức bị chinh phục bởi sự to lớn, sang trọng, uy nghiêm của tòa nhà đại học. Leo hơn bốn chục bậc thang đá trắng, chàng học trò nhà quê, tỉnh lẻ mới lên đến văn phòng nhà trường. Người phụ trách giáo vụ đứng tuổi niềm nở nói: "Hoan nghênh thí sinh đến sớm nhất, nhưng tháng mười này, nhà trường mới tổ chức tuyển sinh". Không trở về quê, Hà Minh Đức ở lại làm thuê kiếm sống, chờ ngày thi. Và cửa giảng đường đã mở ra chào đón. Hà Minh Đức đã đạt được nguyện vọng sẽ thành cử nhân văn chương, môn học mà anh yêu thích, say mê. Những tác phẩm văn thơ đông tây, kim cổ, những công trình lý luận qua từng ngày, từng ngày được Hà Minh Đức "ngấu nghiến". Nhưng cảm hứng đầu tiên đến với "chàng" sinh viên trẻ là văn học hiện thực, nhất là Nam Cao chứ không phải thơ lãng mạn 30 - 45 hay văn học nước ngoài. Nhất là, "chàng" thấy

cần phải trang bị cho mình kiến thức Lý luận văn học hiện đại, hồi đó đang còn rất ít sách để tham khảo. Cần mẫn học hành, ứng xử chừng mực, kiến văn tỏ ra rộng và chắc, kiến giải hợp lý có sự sâu sắc các vấn đề văn học, khiến Hà Minh Đức được thầy và bạn thừa nhận là một trong những sinh viên xuất sắc nhất Khóa 2 (của một trong những trường đại học đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa). Thời ấy anh chơi thân với Lê Bá Hán quê Đức Thọ, Hà Tĩnh và Nguyễn Văn Truy (Thành Duy) cùng quê Thanh (Thiệu Hóa), hơn anh hai, ba tuổi. Tình bạn vững bền đến tận sau này. Hai người bạn về sau đều là Phó Giáo sư, cùng Hội Nhà văn. Giáo sư Hà Minh Đức, tốt nghiệp đại học năm 1957, được giữ lại trường làm cán bộ giảng dạy (giảng viên), phân công làm trợ lý cho Giáo sư Chủ nhiệm Khoa Đăng Thai Mai, một cây đại thụ mà học vấn vừa uyên thâm vừa quảng bác trong nhiều lĩnh vực văn học. Nhà giáo nhân dân, Giáo sư Hà Minh Đức nhớ lại: "Khi tốt nghiệp ra trường, tôi có may mắn được là thư ký của thầy Đăng Thai Mai. Thầy giao cho tôi một năm sau khi ở lại trường phải lên lớp phần chủ nghĩa cổ điển của văn học Pháp. Thầy giúp đỡ, phân tích và khích lệ tôi cứ bình tĩnh mà giảng dạy. Có lần thầy đi dự giờ của tôi, thầy ngồi ở hàng ghế ngoài cùng, vừa nghe vừa nhìn ra ngoài trời. Lúc kết thúc thầy vỗ vai tôi bảo: "Bước đầu như thế là tốt!". Thầy dạy tôi, chữ đầu tiên cần ghi

trong một bài viết, một văn bản là ngày tháng và chữ cuối cùng là xuất xứ. Thiếu nó, văn bản không có giá trị. Thầy hay ghi chú bằng chữ Hán. Thầy có tật hút thuốc lá nhiều, mặc dù sức khỏe không tốt. Mỗi lần tôi đến nhà thầy làm việc, thầy vẫn ngồi ở giường tựa vào gối cao để giảng bài mà không cần có sách vở tra cứu, tất cả đã có trong trí nhớ, những tác phẩm của Corneille, Boileau, Racine... (*Cornây, Boalô, Raxin* - các tác gia lớn của văn học Pháp thế kỷ XVII - NBS) thầy đều thuộc lòng. Khi ra về thỉnh thoảng thầy bắt tay, thực ra, thầy chỉ giơ ngang tay, mấy ngón tay hơi rủ xuống và tôi chỉ dám nắm mấy ngón tay thầy rồi vội buông ra. Một lần tôi bị ốm, thầy cho tôi một lọ Nhung Liên Xô và bảo: "Phải giữ sức khỏe, công việc còn lâu dài... ". Giáo sư Hà Minh Đức học được nhiều kiến thức cũng học cách làm người từ những bậc thầy dạy ông.

Thời gian sau, Giáo sư Hà Minh Đức chuyển sang môn Lý luận văn học và bắt đầu nghiên cứu Nam Cao. Năm 1961, ông xuất bản chuyên luận *Nam Cao nhà văn hiện thực xuất sắc* (NXB Văn hoá). Đây là một trong những công trình đầu tiên nghiên cứu về tác giả ở Miền Bắc. Trước đấy, Văn Tâm cho ra mắt *Vũ Trọng Phụng, nhà văn hiện thực* (1957). Tiếp đến ông được giao soạn 2 giáo trình đại học về lý luận văn học, đều in năm 1962 ở NXB Giáo dục: *Tác phẩm văn học và Loại thể văn học*.



Từ 1961 đến 1965, các bài nghiên cứu - phê bình về Trần Đăng, *Tập thơ Ánh sáng và phù sa* của Chế Lan Viên, *Những người thợ mỏ* của Võ Huy Tâm, *Trai làng Quyển* của Nguyễn Đình Dũng, về hồi kí *Sống như Anh* lần lượt công bố trên *Nghiên cứu Văn học*, *Tạp chí Văn học*. Hoàn thành công trình nghiên cứu về Nguyễn Huy Tưởng (1966), thì Giáo sư Hà Minh Đức được kết nạp vào Hội Nhà văn (1967). Ông cùng Phan Cự Đệ là giảng viên đại học, nhà nghiên cứu văn học trở thành nhà văn Việt Nam sớm nhất. Mười năm sau các ông, mới được thêm một, hai người, rồi lại 10 năm tiếp mới thêm một, hai người nữa...

Trên bục giảng, Giáo sư Hà Minh Đức là người thầy "đạo cao đức trọng", góp phần đào tạo, hướng dẫn, phản biện nhiều thế hệ sinh viên văn chương và báo chí; nhiều thạc sĩ, tiến sĩ. Trong nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại ông là một uy tín lớn. Về phương diện phê bình văn học là một chuẩn mực đáng tin cậy. Gần đây ông lại xuất hiện với tư cách một nhà thơ. Người ta đánh giá "*Thơ ông giản dị nhưng chân thành, đó là những nỗi niềm được ông trải nghiệm qua từng năm tháng cuộc đời. Những vui buồn, mất mát, những yêu thương, sẻ chia, mong đợi*". Sức lao động của Giáo sư Hà Minh Đức thực vô cùng đáng nể. Ông là một trong số ít người có đầu sách nhiều nhất nghiên cứu văn học nước ta thế kỷ XX. Ngoài công trình lý luận, ông có cả hệ thống chuyên luận về các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của

thế kỷ này. Và rất nhiều tiểu luận phê bình. Có thể nói ở hộp thư mục *ngiên cứu phê bình văn học* của thư viện, lật "phích" nào cũng thấy tên Hà Minh Đức. Ấy là ông còn giữ nhiều trọng trách: Trưởng bộ môn lý luận văn học; Phó chủ nhiệm Khoa Ngữ văn; Chủ nhiệm Khoa Báo chí Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội; Viện trưởng Viện Văn học kiêm Tổng biên tập *Tạp chí Văn học*; thành viên Ủy ban Giáo dục toàn quốc (từ 1998); Ủy viên Hội đồng lý luận - phê bình văn học nghệ thuật Trung ương.

"Ở tuổi 75, giáo sư Hà Minh Đức tự nhận mình là người không dễ thỏa hiệp với chính mình. Hàng ngày, trên căn phòng ông vẫn một mình với chiếc đèn bàn và một chồng sách cặm cụi lật dở, ghi chép cẩn trọng như một người mới bắt đầu đi tìm chân lý của cuộc đời".

Về con người Giáo sư Hà Minh Đức, trong một cuộc trò chuyện với ông đầu năm 2010, nhà báo Hồng Thanh Quang nêu nhận xét "Ông là một nhà nghiên cứu hiền lành, một nhà giáo nghiêm ngặt, một con người quá đỗi chững chạc, không bao giờ muốn làm ai méch lòng. Đến mức, khi tiếp xúc với ông, đôi khi ta cứ có một cảm giác bằng bạc nào đó. Nhưng trên cả mọi sự, ông là một người lao động kiên trì và chăm chỉ đến mức ta không thể nào không bày tỏ lòng kính trọng". Ông đáp "Tuổi tôi năm nay là 74, thực ra chỉ còn độ mươi ngày

nửa là sang tuổi 75 (ngay chi tiết này cũng thấy ông Đức vô cùng "cẩn thận". Vì lấy năm trừ năm, ông đã 75, nhưng tính *ngày* thì còn thiếu - NBS). Theo tôi, cái tuổi này cũng là tuổi nghỉ ngơi. Có một lần trò chuyện với ông Lê Đức Thọ về thơ, ông ấy có nói rằng từ tuổi 75 trở đi thì khó có ý gì mới, không sáng tạo được cái gì mới. Bây giờ tôi càng thấy đúng là như thế thật. Cho nên, những công việc mà tôi đang làm hiện nay chủ yếu đều đã được chuẩn bị cơ sở từ nhiều năm trước, bây giờ mình chỉ bồi đắp thêm vào những cái đã có trước đây. Ví dụ như những ghi chép của tôi về Xuân Diệu, về Huy Cận, về Tố Hữu, về Nguyễn Đình Thi... Nếu cứ để những tư liệu đó nằm ở đấy đến lúc mà mình bắt đầu mệt mỏi, yếu đi thì không khôi phục được. Cho nên tất cả đều được tôi khôi phục ra hết thành những trang sách và tôi chuyển cho những người có trách nhiệm, đặc biệt người nhà của họ để xem giúp lại. Thí dụ, những ghi chép của tôi về nhà thơ Tố Hữu thì tôi đưa cho bà Tố Hữu xem lại; những ghi chép về ông Xuân Diệu thì tôi đã đưa cho ông Huy Cận và gia đình xem lại giúp... Bây giờ tôi còn một số bản thảo nhưng tôi chỉ xuất bản từ từ, dần dần...".

Nhà thơ Trần Hoàng Thiên Kim thổ lộ với Giáo sư Hà Minh Đức, muốn viết về ông ở khía cạnh đời thường (khía cạnh sự nghiệp đã có hàng trăm trang viết), vì xưa nay, giáo sư vốn kín kẽ trong đời

thường, ông ít tai tiếng, những âm ĩ trong quãng đường thành danh của mình.

Giáo sư Hà Minh Đức cười hiền, một nụ cười từng trải, ông bảo: "Đời thường của tôi có gì đâu, nhạt lấm! Tôi rượu ngon không biết nếm, bia không biết uống, thuốc không biết hút, xe máy không biết đi, đồng hồ không biết đeo, không có đồ trang sức, không cả biết khiêu vũ... Chỉ đắm đuối với khoa học nên không sống hết mình với tuổi trẻ, với cuộc đời được".

Người viết tiểu truyện này cũng may mắn 2 lần "tao ngộ" Giáo sư Hà Minh Đức. Một lần ông cùng Giáo sư, Tiến sĩ Mã Giang Lân ra Hà Nội, tàu trễ khá lâu, ông Lân đưa ông vào nhà tôi uống nước "đợi tàu". Đang khi nói chuyện, chợt ông hỏi tôi: "Cậu xem mình có giống *anh phòng thuế* không?". Tôi bảo "Sao thầy lại hỏi thế". Ông bèn kể duyên do. Hôm qua, ở Sầm Sơn, dạo trên bãi biển, chợt thấy nhạc sĩ Hoàng Vân. Đang rồi, ông liền lại gặp và hỏi về "tình hình dự thi sáng tác Quốc ca". Vị nhạc sĩ tài danh nhìn và bảo: "Anh *làm phòng thuế* mà cũng quan tâm, thì tôi xin trình bày với anh thế này...". Giáo sư Đức kể vậy, rồi cười băng quơ. Còn một lần vào năm 1983, tôi ra Hà Nội, đến Bộ Đại học, hỏi ấy còn ở phố Hai Bà Trưng đăng ký làm Nghiên cứu sinh nước ngoài và theo chuyên ngành Lý luận văn học. Ông cán bộ thu phiếu đăng ký dứt khoát không nhận, bắt viết lại. Ông ta bảo, "làm gì có